TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày 12/05/2021
V/v "Tranh chấp về hợp đồng dân sự cho vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chí;

2. Ông Lê Văn Đôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Có – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 12/05/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc " *Tranh chấp về hợp đồng dân sự cho vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST- DS ngày 14/04/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 29/04/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Th, sinh năm: 1963
Địa chỉ: Thôn T, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(có mặt).*
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983
Địa chỉ: Thôn T, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(có mặt).*
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Tấn L, sinh năm: 1979.
Địa chỉ: Thôn T, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020, qua bản tự khai, biên bản kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày như sau:

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 bà Nguyễn Thị T có mượn (vay) của bà Trần Thị Th số tiền 250.000.000đ *(hai trăm năm mươi triệu đồng)*, không tính lãi và có viết giấy nợ. Mục đích của bà T vay tiền để xây nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ phục vụ kinh tế cho gia đình. Theo thỏa thuận một năm sau sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà Th, nhưng mãi đến nay bà T không chịu trả mà cứ hẹn nay hứa mai. Do đó, bà

Trần Thị Th làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T, ông Lê Tấn L phải trả số tiền 250.000.000đ *(hai trăm năm mươi triệu đồng)*, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Theo lời trình bày của bà Th là đúng, bà T có mượn (vay) của bà Th số tiền 250.000.000đ *(hai trăm năm mươi triệu đồng)*, không tính lãi về để xây dựng nhà nghỉ để kinh doanh dịch vụ phục vụ kinh tế gia đình. Nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn, kinh doanh thua lỗ nên đến nay bà T chưa có điều kiện để trả nợ cho bà Th. Nay bà Trần Thị Th yêu cầu bà T, ông L phải trả số nợ trên, bà T đồng ý trả, không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn L có bản trình bày bổ sung (chung bản trình bày với bà Thiện) cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị T (vợ của ông L) có mượn của bà Trần Thị Th số tiền 250.000.000đ *(hai trăm năm mươi triệu đồng),* không tính lãi về để xây nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ phục vụ kinh tế cho gia đình. Nhưng do làm ăn kinh doanh thua lỗ nên không có khả năng trả, nay bà Th yêu cầu vợ chồng ông L, bà T phải trả số nợ trên, vợ chồng ông L, bà T đồng ý trả dần cho bà Th theo khả năng.

Sau đó bà T lại cung cấp cho Tòa án bản trình bày ý kiến của ông Lê Tấn L đề ngày 06/01/2021 với nội dung: Việc bà T vay tiền của bà Trần Thị Th bản thân ông L không biết và cũng không có trách nhiệm trong việc này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thủ tục cấp, tống đạt, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 250.000.000đ *(hai trăm năm mươi triệu đồng)*. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu bị bà Nguyễn Thị T phải trả khoản nợ mà bà T đã vay, hai bên thỏa thuận với nhau và có viết giấy nợ, do vậy quan hệ pháp luật đang tranh chấp là hợp đồng dân sự cho vay tài sản. Về thẩm quyền giải quyết, bị đơn bà Nguyễn Thị T có địa chỉ cư trú tại thôn T, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật đã nhận xét

Tòa án tiến hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn L.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Qua các lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn bà Trần Thị Th, bị đơn bà Nguyễn Thị T đều thống nhất rằng bà T là người trực tiếp vay của bà Trần Thị Th số tiền 250.000.000đ *(hai trăm năm mươi triệu đồng)*, không tính lãi. Mục đích vay là để xây nhà nghỉ kinh doanh phục vụ kinh tế cho gia đình. Lúc vay có viết giấy nợ, tuy trong giấy nợ không ghi ngày trả nợ, nhưng lúc cho vay tiền hai bên thỏa thuận miệng thống nhất với nhau về thời gian trả nợ là 01 năm, kể từ ngày vay tiền, nhưng mãi đến nay bà T vẫn chưa chịu trả nợ. Như vậy, bà T đã vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng vay tài sản nên bà Th yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả số nợ trên cho bà Th là có căn cứ. Còn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn L: Tuy lúc bà T đi vay số nợ trên ông Lý không có mặt và không ký vào giấy nợ, nhưng sau khi vay số tiền này về để xây nhà nghỉ kinh doanh phục vụ kinh tế cho gia đình, với số tiền lớn thì buộc ông L phải biết. Ngoài ra, theo bản trình bày ý kiến đề ngày 24/11/2020 của ông L, bà T cũng như lời trình bày tại phiên tòa của bà T khẳng định: Ông L, bà T có nợ bà Th và đồng ý trả dần cho bà Th số nợ trên. Do vậy, căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông Lê Tấn L phải có trách nhiệm cùng với bà Nguyễn Thị T trả khoản nợ 250.000.000đ cho bà Trần Thị Th. Mặt khác, ông Lê Tấn L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn, để mở phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, để tham gia phiên tòa nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do, bà T cung cấp cho Tòa án bản trình bày ý kiến của ông Lê Tấn L đề ngày 06/01/2021 với nội dung: Việc bà T vay tiền của bà Trần Thị Th bản thân ông L không biết và cũng không có trách nhiệm trong việc này. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông L lại không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc ông L không biết việc bà Thiện vay tiền của bà Thắng và không có trách nhiệm đến khoản nợ trên. Do đó, ông Lê Tấn L phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình và Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn để giải quyết theo quy định tại Điều 91, 92 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2.2] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th, buộc bà Nguyễn Thị T, ông Lê Tấn L phải có nghĩa vụ trả số tiền 250.000.000đ *(hai trăm*

năm mươi triệu đồng) cho bà Trần Thị Th là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về lãi suất: Các bên thừa nhận việc vay không có tính lãi suất và tại phiên tòa bà Th không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T, ông Lê Tấn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 12.500.000đ (250.000.000đ x 5%). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Trần Thị Th.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định vè án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th, buộc bà Nguyễn Thị T, ông Lê Tấn L phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Th số tiền 250.000.000đ *(hai trăm năm mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Lê Tấn L phải chịu 12.500.000đ *(mười hai triệu năm trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại 6.250.000đ *(sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Th theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0006054 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Sơn.

3. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND H. Lý Sơn;
- Chi cục THADS H. Lý Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Thu